

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 3
Báo cáo của Hội đồng quản trị	4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tình hình tài chính	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh báo cáo tài chính	17 - 51

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
72/UBCK-GPĐCCTCK	06/09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng
100/UBCK-GPĐCCTCK	28/12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng
30/GPĐC-UBCK	14/11/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn
46/GPĐC-UBCK	20/10/2015	Dời trụ sở chính về Tầng 14, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 240.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 71.587.145.388 VND, tổng tài sản là 455.238.149.095 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam với hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ đầy đủ quy định về hạn chế đầu tư theo các quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị của công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Chủ tịch		
Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2017
Ông Trương Văn Toa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2017
Ông Phan Vũ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Thành viên		
Bà Phan Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
		Bổ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2017
Ông Vũ Hải Bình	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Phan Vũ Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2016
Ông Trương Hà Sơn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2017
Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Võ Quang Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016

Hiện nay, những thay đổi nêu trên đang chờ phê duyệt từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Dương Đình Lai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Bà Lê Thị Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2017
Ông Cao Thanh Định	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2017
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Quyền Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
Bà Võ Thị Minh Ngân	Giám đốc Tài Chính	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016
		Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm là Ông Trương Văn Toa, Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường Niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2016/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 6 năm 2016. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 6 năm 2016. Đến ngày 18 tháng 1 năm 2017, theo Nghị quyết Hội đồng Quản Trị số 01/2017/NQ-HĐQT đã miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Trương Văn Toa. Cùng ngày, theo Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐQT đã bầu bà Phạm Thị Quỳnh Trang là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 1 năm 2017. Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Bà Phạm Thị Quỳnh Trang, Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật Công ty.

Hiện nay, Công ty đang chờ sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi nêu trên và tiến hành các thủ tục sửa đổi Giấy phép hoạt động kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo đúng quy định hiện hành.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã có những lần thay đổi Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, người đại diện pháp luật của Công ty, thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty. Hiện Công ty vẫn đang trong quá trình xin và chờ sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về những thay đổi nêu trên.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



[Handwritten signature in blue ink]

Phạm Thị Quỳnh Trang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61240646/18609108

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (“Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 7 đến trang 51, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính. Theo đó, Công ty có một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ năm 2011. Các khoản tiền gửi này có liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Tòa án Nhân dân Tối cao đã tuyên Bản án Hình sự Phúc thẩm, theo đó, Hội đồng xét xử đã nhận định và đánh giá "Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản" và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm soát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công An điều tra, truy tố xét xử lại. Theo các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự đối với một vụ án đã được điều tra lại, việc xác định trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan chỉ được thực hiện khi vụ án đã được xét xử, có phán quyết cụ thể và bản án có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo liên quan đến vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản tiền gửi này và tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà sự việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 6 của báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có tổng vốn đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết và dự án kinh doanh là 21.300.000.000 đồng, chiếm 29,75% vốn chủ sở hữu và vượt quy định về hạn chế đầu tư theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ tài chính Hướng dẫn về thành lập và Hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm (Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		448.486.377.881	461.592.385.939
110	I. Tài sản tài chính		448.370.604.337	461.276.165.664
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	398.845.436.896	402.560.414.632
111.1	a. Tiền		15.845.436.896	1.560.414.632
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		383.000.000.000	401.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	41.448.047.820	51.777.688.869
114	3. Các khoản cho vay	6.2	183.312.295	1.480.977.107
117	4. Các khoản phải thu		39.320.327.669	49.095.764.023
117.1	a. Phải thu bán các tài sản tài chính	7	38.393.606.284	44.125.276.126
117.2	b. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	7	926.721.385	4.970.487.897
117.3	- Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		567.326.941	3.621.687.899
117.4	- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		359.394.444	1.348.799.998
118	5. Trả trước người bán		18.250.100	324.711.176
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	43.962.054	50.564.914
122	7. Các khoản phải thu khác	7	7.080.330.727	187.380.967
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	(38.569.063.224)	(44.201.336.024)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		115.773.544	316.220.275
131	1. Tạm ứng		84.303.140	162.339.700
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	31.470.404	153.880.575
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.751.771.214	8.069.942.150
220	I. Tài sản cố định		1.226.125.893	2.029.878.521
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	910.512.557	1.267.763.321
222	a. Nguyên giá		4.871.484.295	4.871.484.295
223a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.960.971.738)	(3.603.720.974)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	315.613.336	762.115.200
228	a. Nguyên giá		7.174.617.564	7.013.017.564
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.859.004.228)	(6.250.902.364)
250	II. Tài sản dài hạn khác		5.525.645.321	6.040.063.629
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	616.857.560	608.857.560
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.252.478.577	1.863.680.956
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	3.656.309.184	3.567.525.113
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		455.238.149.095	469.662.328.089

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm (Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		383.651.003.707	384.570.959.655
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		383.651.003.707	384.570.959.655
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	380.000.000.000	380.000.000.000
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		135.000.000	149.125.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	199.458.888	302.372.244
323	4. Phải trả người lao động		4.470.641	335.613.641
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		175.500	-
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	492.431.701	703.879.753
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	2.819.232.859	3.079.734.899
331	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		234.118	234.118
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		71.587.145.388	85.091.368.434
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	71.587.145.388	85.091.368.434
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	290.000.000.000	290.000.000.000
411.1	a. Vốn góp của chủ sở hữu		240.000.000.000	240.000.000.000
411.1a	- Cổ phiếu phổ thông		240.000.000.000	240.000.000.000
411.2	b. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000
415	2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.047.890.198	1.047.890.198
417	3. Lỗ lũy kế	18.2	(219.460.744.810)	(205.956.521.764)
417.1	a. Lỗ đã thực hiện		(212.228.800.462)	(201.433.273.016)
417.2	b. Lỗ chưa thực hiện		(7.231.944.348)	(4.523.248.748)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		455.238.149.095	469.662.328.089

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm (Trình bày lại) VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
003	1. Tài sản nhận thế chấp		-	1.618.610.000
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành	19.1	24.000.000	24.000.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK	19.2	5.631.410.000	7.893.240.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		5.411.410.000	4.493.040.000
008.5	b. Tài sản tài chính chờ thanh toán		220.000.000	3.400.200.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK		-	40.000.000
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	19.3	14.000.000.000	16.000.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	19.4	616.252.140.000	542.241.750.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		404.122.200.000	466.759.500.000
021.4	b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		211.379.040.000	73.388.150.000
021.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		750.900.000	2.094.100.000
023	2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	19.5	2.227.400.000	4.639.400.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm (Trình bày lại) VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	3. Tiền gửi của khách hàng		19.770.973.450	14.972.233.525
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.6	19.770.973.450	14.972.233.525
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.7	19.770.973.450	14.972.233.525
031.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		19.743.175.885	14.945.735.994
031.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		27.797.565	26.497.531
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	19.8	1.797.395.359	2.036.853.619

Người lập:




Nguyễn Thị Khánh Hòa
Kế toán

Người kiểm soát:



Nguyễn Trát Minh Phương
Phó Tổng Giám đốc

Người phê duyệt:

Phạm Thị Quỳnh Trang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		10.473.427.643	57.205.559.381
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	20.1	1.254.118.900	1.636.192.010
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	20.2	5.704.191.371	51.569.431.536
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	20.3	3.515.117.372	3.999.935.835
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	20.3	20.295.622	38.053.100
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	20.4	2.078.216.400	1.523.634.845
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	20.4	358.200.552	355.491.289
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	20.4	213.325.415	34.090.909
11	6. Thu nhập hoạt động khác	20.4	123.962.066	17.837.944
20	Cộng Doanh thu hoạt động		13.267.427.698	59.174.667.468
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		13.457.423.320	62.195.687.167
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	20.1	5.044.536.349	53.063.517.702
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	20.2	8.412.886.971	9.132.169.465
24	2. Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(2.500.000.000)	(22.435.000.000)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		1.536.902.000	1.345.615.785
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		3.897.709.463	3.146.465.903
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		452.512.692	309.575.198
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		473.685.701	333.493.323
40	Cộng Chi phí hoạt động		17.318.233.176	44.895.837.376
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	21	300.820.049	309.535.971
50	Cộng Doanh thu hoạt động tài chính		300.820.049	309.535.971
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	1. Chi phí lãi vay		44.200.000	8.303.333
60	Cộng Chi phí tài chính		44.200.000	8.303.333
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	22	9.711.464.709	10.440.996.451

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(13.505.650.138)	4.139.066.279
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		1.687.942	118.417.319
72	2. Chi phí khác		260.850	453.282.000
80	Cộng Kết quả hoạt động khác		1.427.092	(334.864.681)
90	IX. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(13.504.223.046)	3.804.201.598
91	1. Lỗ đã thực hiện		(10.795.527.446)	(38.633.060.473)
92	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(2.708.695.600)	42.437.262.071
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	23	-	-
200	XI. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(13.504.223.046)	3.804.201.598
300	XII. (CHI PHÍ)/THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	Tổng (lỗ)/thu nhập toàn diện		(13.504.223.046)	3.804.201.598
500	XIII. (LỖ)/THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	1. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.3	(563)	159
502	2. (Lỗ)/thu nhập pha loãng trên cổ phiếu		(563)	159

Người lập:



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Kế toán

Người kiểm soát:



Nguyễn Trát Minh Phương
Phó Tổng giám đốc

Người phê duyệt:



Phạm Thị Quỳnh Trang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. (Lỗ)/ lợi nhuận trước Thuế TNDN		(13.504.223.046)	3.804.201.598
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
03	- Khấu hao tài sản cố định	9, 10	965.352.628	1.311.345.972
04	- Các khoản dự phòng	7	(2.500.000.000)	(22.435.000.000)
06	- Chi phí lãi vay		44.200.000	8.303.333
09	- Các điều chỉnh khác		-	(114.181.819)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ			
11	- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	20.2	8.412.886.971	9.132.169.465
18	4. Tăng các doanh thu phi tiền tệ			
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	20.2	(5.704.191.371)	(51.569.431.536)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
31	- Giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ FVTPL		7.620.945.449	57.903.206.992
33	- Giảm các khoản cho vay		1.297.664.812	1.830.520.896
35	- Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		5.653.758.000	18.814.512.000
36	- Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		989.405.554	(893.115.405)
37	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(7.522.140)	39.689.853
39	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(6.892.949.760)	4.487.590.715
40	- Tăng các tài sản khác		(18.747.511)	(698.279.279)
41	- (Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(211.448.052)	580.357.032
42	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		733.612.550	(1.778.766.219)
44	- Lãi vay đã trả		(44.200.000)	(8.303.333)
45	- Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		306.461.076	(291.821.176)
46	- Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		175.500	(22.719.500)
47	- (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(102.913.356)	94.686.933
48	- (Giảm)/tăng phải trả người lao động		(331.143.000)	331.143.000
50	- Giảm phải trả, phải nộp khác		(260.502.040)	(12.135.933.635)
60	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(3.553.377.736)	8.390.175.887

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, BĐSĐT và các tài sản khác		(161.600.000)	(386.100.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, BĐSĐT và các tài sản khác		-	114.181.819
70	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(161.600.000)	(271.918.181)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73	1. Tiền vay gốc		7.000.000.000	10.800.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(7.000.000.000)	(10.800.000.000)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(3.714.977.736)	8.118.257.706
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM		22.560.414.632	14.442.156.926
101.1	1. Tiền		1.560.414.632	491.524.971
101.2	2. Các khoản tương đương tiền		21.000.000.000	13.950.631.955
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	18.845.436.896	22.560.414.632
103.1	1. Tiền		15.845.436.896	1.560.414.632
103.2	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	21.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03b-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		811.264.551.500	498.370.686.800
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(430.574.184.200)	(389.470.021.400)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		227.231.857.290	348.675.344.773
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(602.768.872.215)	(456.547.071.863)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(354.612.450)	(355.491.289)
20	Tăng tiền thuần trong năm		4.798.739.925	673.447.021
30	1. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		14.972.233.525	14.298.786.504
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		14.972.233.525	14.298.786.504
40	2. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng			
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		19.770.973.450	14.972.233.525
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		19.770.973.450	14.972.233.525

Người lập:



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Kế toán

Người kiểm soát:



Nguyễn Trát Minh Phương
Phó Tổng Giám đốc

Người phê duyệt:



Phạm Thị Quỳnh Trang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm			Số dư cuối năm		
		Ngày 01/01/2015 VND	Ngày 01/01/2016 VND	Năm trước		Năm nay	Ngày 31/12/2015 VND	Ngày 31/12/2016 VND	
				Tăng VND	Giảm VND				Tăng VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu	18								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		290.000.000.000	290.000.000.000	-	-	-	-	290.000.000.000	290.000.000.000
a. Vốn pháp định		240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000	240.000.000.000
b. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.047.890.198	1.047.890.198	-	-	-	-	1.047.890.198	1.047.890.198
3. Lỗ lũy kế		(209.760.723.362)	(205.956.521.764)	46.241.463.669	(42.437.262.071)	-	(13.504.223.046)	(205.956.521.764)	(219.460.744.810)
a. Lỗ đã thực hiện		(162.800.212.543)	(201.433.273.016)	3.804.201.598	(42.437.262.071)	-	(10.795.527.446)	(201.433.273.016)	(212.228.800.462)
b. Lỗ chưa thực hiện		(46.960.510.819)	(4.523.248.748)	42.437.262.071	-	-	(2.708.695.600)	(4.523.248.748)	(7.231.944.348)
TỔNG CỘNG		81.287.166.836	85.091.368.434	46.241.463.669	(42.437.262.071)	-	(13.504.223.046)	85.091.368.434	71.587.145.388

Người lập:

Người kiểm soát:

Nguyễn Thị Khánh Hòa
Kế toán

Nguyễn Trát Minh Phương
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Quỳnh Trang
Chủ tịch



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
72/UBCK-GPĐCCTCK	06/09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng
100/UBCK-GPĐCCTCK	28/12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng
30/GPĐC-UBCK	14/11/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn
46/GPĐC-UBCK	20/10/2015	Đời trụ sở chính về Tầng 14, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 30 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 28 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 334").

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- ▶ Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 210 và Thông tư 334 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính như sau:

- ▶ Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp ghi nhận theo giá trị thị trường phải tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

- ▶ Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- ▶ Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Thông tư 210 và Thông tư 334 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại *Thuyết minh số 24.8*.

3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận theo giá gốc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính trong các kỳ kế toán tiếp theo. Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính không được ghi nhận trong báo cáo tài chính do Luật kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo hoạt động ngay khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

3.6 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên thời gian quá hạn của các khoản cho vay theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC như đã trình bày ở Thuyết minh 3.8 hoặc dựa trên dự phòng ước tính từ việc không chắc chắn về khả năng thu hồi của những khoản cho vay đó.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.8 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.9 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.11 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	3 - 5 năm

3.12 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.14 Các hợp đồng mua bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được xem là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản vay

Các khoản vay được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

3.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.17 Lợi ích của nhân viên

3.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.17.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo nghị định số 28/2015/NĐ-CP, từ ngày 1 tháng 5 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

3.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.
- Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.23 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các chủ sở hữu sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.24 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	3.054.412	3.223.178
Tiền gửi ngân hàng	395.842.382.484	381.557.191.454
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	21.000.000.000
	398.845.436.896	402.560.414.632

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ năm 2015. Các khoản tiền gửi quá hạn này có liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Tòa án Nhân dân Tối cao đã tuyên Bản án Hình sự Phúc thẩm, theo đó, Hội đồng xét xử đã nhận định và đánh giá "Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản" và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm soát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công An điều tra, truy tố xét xử lại.

Theo các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự đối với một vụ án đã được điều tra lại, việc xác định trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan chỉ được thực hiện khi vụ án đã được xét xử, có phán quyết cụ thể và bản án có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo liên quan đến vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản tiền gửi này và tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà sự việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền không bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng đã quá hạn, chi tiết như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.845.436.896	402.560.414.632
Trừ: các khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán	(380.000.000.000)	(380.000.000.000)
	18.845.436.896	22.560.414.632

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	1.553.770	18.088.551.000
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	24.993.018	480.473.252.400
	26.546.788	498.561.803.400

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	13.379.992.168	6.148.047.820	13.170.937.617	12.677.688.869
PVB	12.083.034.300	4.882.500.000	9.368.160.000	8.988.000.000
VLC	1.282.226.329	1.260.000.000	-	-
BFC	-	-	1.948.970.000	1.948.970.000
TFC	-	-	1.837.780.000	1.733.400.000
Khác	14.731.539	5.547.820	16.027.617	7.318.869
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.300.000.000	14.300.000.000	16.130.000.000	12.100.000.000
CTCP Xuất khẩu lao động và chuyên gia	-	-	13.130.000.000	9.100.000.000
CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
CTCP Môi trường Công Ích Miền Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	21.000.000.000	21.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	14.000.000.000	14.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Quý tín dụng nhân dân Đông Sài Gòn	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Quý tín dụng nhân dân Tây Sài Gòn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	48.679.992.168	41.448.047.820	56.300.937.617	51.777.688.869

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có tổng giá trị các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết (14.300.000.000 đồng) và khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công Ích Miền Nam (7.000.000.000 đồng (Thuyết minh 7)) là 21.300.000.000 đồng, chiếm 29,75% vốn chủ sở hữu và vượt quy định về hạn chế đầu tư (20%) theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về Thành lập và Hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC.

6.2 Các khoản cho vay

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	183.312.295	183.312.295	1.480.977.107	1.480.977.107

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 *Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính*

Loại tài sản tài chính	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Giá trị lập dự phòng cuối năm VND	Giá trị lập dự phòng đầu năm VND	Số (trích lập)/hoàn nhập trong năm VND
I. TSTC FVTPL	1.941.141	48.679.992.168	41.448.047.820	(7.231.944.348)	(4.523.248.748)	(2.708.695.600)
1. <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	541.141	13.379.992.168	6.148.047.820	(7.231.944.348)	(4.523.248.748)	(2.708.695.600)
PVB	465.000	12.083.034.300	4.882.500.000	(7.200.534.300)	(380.160.000)	(6.820.374.300)
VLC	75.000	1.282.226.329	1.260.000.000	(22.226.329)	-	(22.226.329)
Khác	1.141	14.731.539	5.547.820	(9.183.719)	(113.088.748)	103.905.029
Cổ phiếu niêm yết đã bán	-	-	-	-	(4.030.000.000)	4.030.000.000
2. <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	1.400.000	14.300.000.000	14.300.000.000	-	-	-
CTCP Môi trường Công Ích	-	-	-	-	-	-
Miền Nam	1.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	100.000	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-	-
3. <i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại</i>	-	21.000.000.000	21.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Bán Việt	-	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
II. Các khoản cho vay	-	183.312.295	183.312.295	-	-	-
	1.941.141	48.863.304.463	41.631.360.115	(7.231.944.348)	(4.523.248.748)	(2.708.695.600)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	38.393.606.284	44.125.276.126
- Phải thu hợp đồng repo cổ phiếu (i)	37.510.206.284	40.088.118.126
- Phải thu bán các TSTC khác	883.400.000	4.037.158.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	926.721.385	4.970.487.897
- Phải thu lãi, cổ tức đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	567.326.941	3.621.687.899
- Phải thu lãi và cổ tức dự thu	359.394.444	1.348.799.998
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	43.962.054	50.564.914
Phải thu khác (ii)	7.080.330.727	187.380.967
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (iii)	<u>(38.569.063.224)</u>	<u>(44.201.336.024)</u>
	<u>7.875.557.226</u>	<u>5.132.373.880</u>

(i) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch mua và cam kết bán lại cổ phiếu đã phát sinh và quá hạn từ các năm trước. Công ty đã trích lập dự phòng 100% các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.

(ii) Chi tiết các khoản phải thu khác như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	7.000.000.000	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	1.100.542	4.100.389
Phải thu án phí	-	63.280.578
Phải thu đặt cọc giao dịch đấu giá	-	120.000.000
Khác	79.230.185	-
	<u>7.080.330.727</u>	<u>187.380.967</u>

(*) Đây là số tiền góp vốn tham gia hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công Ích Miền Nam, thời gian hợp tác đến ngày 12 tháng 10 năm 2017, lợi suất cố định tối thiểu 5%/năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

(iii) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi		Giá trị dự phòng đã xóa/giảm trong năm		Số dư dự phòng cuối năm VND
	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND	Giá trị phải thu khó đòi xóa/giảm trong năm VND	Giá trị dự phòng đã xóa/giảm trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	
Phải thu bán các tài sản tài chính	40.538.118.126	(2.577.911.842)	(77.911.842)	(2.500.000.000)	37.960.206.284
- Phải thu các cá nhân theo các hợp đồng hỗ trợ thanh toán	40.088.118.126	(2.577.911.842)	(77.911.842)	(2.500.000.000)	37.510.206.284
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	450.000.000	-	-	-	450.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	3.621.687.899	(3.054.360.958)	(3.054.360.958)	-	567.326.941
Phải thu khác	41.529.999	-	-	-	41.529.999
khó đòi	44.201.336.024	(5.632.272.800)	(3.132.272.800)	(2.500.000.000)	38.569.063.224

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Chi phí thuê đường truyền dẫn	7.906.516	125.372.962
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	12.343.888	10.951.047
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.220.000	17.556.566
	31.470.404	153.880.575

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	153.880.575	198.611.220
Tăng trong năm	4.208.249.375	2.743.847.451
Phân bổ trong năm	(4.330.659.546)	(2.788.578.096)
Số dư cuối năm	31.470.404	153.880.575

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	386.100.000	940.454.545	3.544.929.750	4.871.484.295
Số dư cuối năm	386.100.000	940.454.545	3.544.929.750	4.871.484.295
Trong đó: đã khấu hao hết	-	-	3.232.979.750	3.232.979.750
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	24.131.250	195.928.030	3.383.661.694	3.603.720.974
Khấu hao trong năm	96.525.000	156.742.428	103.983.336	357.250.764
Số dư cuối năm	120.656.250	352.670.458	3.487.645.030	3.960.971.738
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	361.968.750	744.526.515	161.268.056	1.267.763.321
Số dư cuối năm	265.443.750	587.784.087	57.284.720	910.512.557

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	7.013.017.564
Mua trong năm	<u>161.600.000</u>
Số dư cuối năm	<u>7.174.617.564</u>
<i>Trong đó: đã hao mòn hết</i>	5.257.417.564
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.250.902.364
Hao mòn trong năm	<u>608.101.864</u>
Số dư cuối năm	<u>6.859.004.228</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	<u>762.115.200</u>
Số dư cuối năm	<u>315.613.336</u>

11. CẦM CÓ THỂ CHẤP KÝ QUỸ KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	608.857.560	608.857.560
Đặt cọc khác	<u>8.000.000</u>	<u>-</u>
	<u>616.857.560</u>	<u>608.857.560</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Chi phí cải tạo văn phòng	760.706.748	1.244.433.307
Chi phí vật dụng văn phòng	356.141.829	606.761.642
Chi phí thuê đường truyền dẫn	135.630.000	-
Chi phí khác	<u>-</u>	<u>12.486.007</u>
	<u>1.252.478.577</u>	<u>1.863.680.956</u>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số dư đầu năm	1.863.680.956	40.184.092
Tăng trong năm	251.152.000	2.007.369.295
Phân bổ trong năm	<u>(862.354.379)</u>	<u>(183.872.431)</u>
Số dư cuối năm	<u>1.252.478.577</u>	<u>1.863.680.956</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0.01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.447.525.113	3.253.838.094
Tiền lãi phân bổ	211.351.995	193.687.019
Tiền lãi nhận được	(122.567.924)	-
	<u>3.656.309.184</u>	<u>3.567.525.113</u>

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả Ngân hàng TMCP Tiên Phong	<u>380.000.000.000</u>	<u>380.000.000.000</u>

Đây là khoản tiền nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong trong các năm trước để thực hiện các hợp đồng môi giới mua bán trái phiếu và có liên quan đến khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (xem thêm thông tin tại *Thuyết minh số 4*).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>	<i>Số phải nộp trong năm VND</i>	<i>Số đã nộp trong năm VND</i>	<i>Số dư cuối năm VND</i>
1	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	125.720.947	478.288.599	(508.469.238)	95.540.308
2	Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	165.233.116	260.796.727	(326.020.354)	100.009.489
3	Thuế giá trị gia tăng	11.418.181	25.911.363	(33.420.453)	3.909.091
4	Thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
		302.372.244	768.996.689	(871.910.045)	199.458.888

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	170.500.000	280.500.000
Phí môi giới	109.404.160	52.200.000
Chi phí phạt vi phạm hành chính	100.000.000	-
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	20.727.541	66.980.212
Chi phí hội nghị và tiệc cuối năm	41.800.000	142.282.000
Chi phí thù lao hội đồng quản trị	-	134.224.333
Chi phí khác	50.000.000	27.693.208
	492.431.701	703.879.753

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1.797.395.359	2.036.853.619
Phải trả cổ tức cho cổ đông của công ty	19.412.500	19.412.500
Phải trả tiền đặt cọc ủy thác đầu giá cổ phiếu	-	7.170.000
Phải trả khác	1.002.425.000	1.016.298.780
	2.819.232.859	3.079.734.899

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Vốn góp	240.000.000.000	240.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
	290.000.000.000	290.000.000.000

18.2 Lỗ lũy kế

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Lỗ lũy kế đầu năm	(205.956.521.764)	(209.760.723.362)
Lỗ đã thực hiện trong năm	(10.795.527.446)	(38.633.060.473)
(Lỗ)/lãi chưa thực hiện trong năm (Thuyết minh số 20.2)	(2.708.695.600)	42.437.262.071
	(219.460.744.810)	(205.956.521.764)

19 THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

19.1 Cổ phiếu đang lưu hành

	Số dư cuối năm Cổ phiếu	Số dư đầu năm Cổ phiếu
Cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000

19.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	5.411.410.000	4.493.040.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	220.000.000	3.400.200.000
	5.631.410.000	7.893.240.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu (mệnh giá)	<u>14.000.000.000</u>	<u>16.000.000.000</u>

19.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	404.122.200.000	466.759.500.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	211.379.040.000	73.388.150.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	750.900.000	2.094.100.000
	<u>616.252.140.000</u>	<u>542.241.750.000</u>

19.5 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu (mệnh giá)	<u>2.227.400.000</u>	<u>4.639.400.000</u>

19.6 Tiền gửi của nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	<u>19.770.973.450</u>	<u>14.972.233.525</u>

19.7 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	19.743.175.885	14.945.735.994
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	27.797.565	26.497.531
	<u>19.770.973.450</u>	<u>14.972.233.525</u>

19.8 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	<u>1.797.395.359</u>	<u>2.036.853.619</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. LÃI LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

20.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	2.207.810	211.423	31.721.051.000	35.511.468.449	(3.790.417.449)	(12.457.382.221)
PVB	535.000	19.914	10.653.800.000	13.901.985.700	(3.248.185.700)	
TFC	87.000	8.064	701.540.000	1.966.180.000	(1.264.640.000)	
SLC	1.300.000	10.813	14.056.390.000	13.130.000.000	926.390.000	
CSM	78.000	19.202	1.497.727.000	1.844.424.547	(346.697.547)	
BFC	73.190	30.258	2.214.614.000	1.948.970.000	265.644.000	
SSI	92.000	19.618	1.804.900.000	1.989.913.000	(185.013.000)	
VLC	42.600	18.554	790.380.000	728.623.773	61.756.227	
DHG	20	85.000	1.700.000	1.371.429	328.571	
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	(38.969.943.471)
	2.207.810	211.423	31.721.051.000	35.511.468.449	(3.790.417.449)	(51.427.325.692)

Trong đó:

Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

1.254.118.900

(5.044.536.349)

1.636.192.010

(53.063.517.702)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
I	FVTPL (Thuyết minh số 6.3)	48.679.992.168	41.448.047.820	(7.231.944.348)	(4.523.248.748)	(2.708.695.600)
1	Cổ phiếu niêm yết	13.379.992.168	6.148.047.820	(7.231.944.348)	(493.248.748)	(6.738.695.600)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	14.300.000.000	14.300.000.000	-	(4.030.000.000)	4.030.000.000
3	Công cụ thị trường tiền tệ	21.000.000.000	21.000.000.000	-	-	-
II	Các khoản cho vay	183.312.295	183.312.295	-	-	-
		48.863.304.463	41.631.360.115	(7.231.944.348)	(4.523.248.748)	(2.708.695.600)

Trong đó:

Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính

FVTPL

Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính

FVTPL

5.704.191.371

(8.412.886.971)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.3 *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL và các khoản cho vay*

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.515.117.372	3.999.935.835
Từ các khoản cho vay	20.295.622	38.053.100
	<u>3.535.412.994</u>	<u>4.037.988.935</u>

20.4 *Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính*

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.078.216.400	1.523.634.845
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	358.200.552	355.491.289
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	213.325.415	34.090.909
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	123.962.066	17.837.944
	<u>2.773.704.433</u>	<u>1.931.054.987</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	<u>300.820.049</u>	<u>309.535.971</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.497.089.711	4.853.207.118
Chi phí thuê văn phòng	1.681.912.398	1.123.109.012
Chi phí kiểm toán, tư vấn, bảo hành phần mềm	676.839.615	683.193.666
Chi phí khấu hao TSCĐ	598.515.440	887.260.037
Chi phí công cụ, dụng cụ	555.595.686	260.011.538
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.096.674	23.421.000
Chi phí thuế, phí và lệ phí	501.672.627	482.791.231
Chi phí mua ngoài khác	1.196.742.558	2.128.002.849
Chi phí khác	<u>9.711.464.709</u>	<u>10.440.996.451</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm 2016 Triệu đồng	Năm 2015 Triệu đồng
Lỗ/(Lợi nhuận) thuần trước thuế	(13.504.223.046)	3.804.201.598
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Công ty	-	836.924.352
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	-	79.750.000
- Lỗ năm trước chuyển sang	-	(837.004.102)
Chi phí thuế TNDN	-	-

23.2 Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 130.512.024.611 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế VND	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016 VND	Lỗ không được chuyển đến ngày 31/12/2016 VND	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016 VND
2011	2016	32.653.225.297	(5.339.663.332)	(27.313.561.965)	-
2013	2018	117.007.801.565	-	-	117.007.801.565
2016	2021	13.504.223.046	-	-	13.504.223.046
		163.165.249.908	(5.339.663.332)	(27.313.561.965)	130.512.024.611

Số lỗ tính thuế từ năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi cơ quan thuế.

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 do Công ty không thể dự tính được là sẽ có đủ lợi nhuận trong tương lai để sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26.102.404.922 đồng, chủ yếu phát sinh từ số lỗ tính thuế mang sang các năm sau.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	Bên liên quan	Thu nhập	1.294.569.137	1.620.203.221

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Hội đồng quản trị	Bên liên quan	Thù lao	-	(134.224.333)

24.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	1.932.618.240	1.932.618.240
Trên 1 - 5 năm	1.291.412.160	3.227.030.400
	3.224.030.400	5.159.648.640

24.3 (Lãi)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi/(lỗ) cơ bản.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lãi)/lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(13.504.223.046)	3.804.201.598
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – cổ phiếu	24.000.000	24.000.000
(Lãi)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	(563)	159

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.4 *Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và trình bày thông tin này.

24.5 *Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

24.6 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần, công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do các khoản tiền gửi có lãi suất cố định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không chịu rủi ro ngoại tệ do toàn bộ giao dịch trong năm của Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 20.448.047.820 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 12.705.896.600 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 614.679.627 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.270.589.660 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 510.904.697 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.270.589.660 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên một bảng điểm xếp hạng tín dụng chi tiết và hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Ngoại trừ một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát sinh từ năm 2011, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng trước khi ký kết các hợp đồng ứng trước cho khách hàng. cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về hạn mức tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 6.3*. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Ngoại trừ khoản tiền đặt cọc môi giới mua chứng khoán nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong phát sinh trong các năm trước đây và liên quan đến khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng hiện đang được cơ quan chức năng điều tra và xét xử lại, Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay ngân hàng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu.

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Tổng cộng VND
31 tháng 12 năm 2016				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	41.448.047.820	-	41.448.047.820
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ - thuần	-	41.448.047.820	-	41.448.047.820
Các khoản cho vay	-	-	183.312.295	183.312.295
Tài sản tài chính khác	38.527.533.225	36.047.706	8.015.063.163	46.578.644.094
Các khoản phải thu	38.527.533.225	-	792.794.444	39.320.327.669
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	43.962.054	43.962.054
Trả trước người bán	-	-	18.250.100	18.250.100
Các khoản phải thu khác	-	4.577.302	7.075.753.425	7.080.330.727
Tài sản khác	-	31.470.404	84.303.140	115.773.544
Tiền và các khoản tương đương tiền	380.000.000.000	15.845.436.896	3.000.000.000	398.845.436.896
	418.527.533.225	57.329.532.422	11.198.375.458	487.055.441.105
NỢ TÀI CHÍNH				
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	380.000.000.000	-	-	380.000.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	135.000.000	135.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	492.431.701	492.431.701
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	-	1.000.903.819	1.818.329.040	2.819.232.859
	380.000.000.000	1.000.903.819	2.445.760.741	383.446.664.560
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	38.527.533.225	56.328.628.603	8.752.614.717	103.608.776.545

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.8 Phân loại lại số liệu tương ứng

Trong năm 2016, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 210 và Thông tư 334, một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của kỳ này.

a. Trích từ Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Diễn giải	31/12/2015 (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	31/12/2015 (được trình bày lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		464.464.619.464	(2.872.233.525)	461.592.385.939
I. Tài sản tài chính		464.148.399.189	(2.872.233.525)	461.276.165.664
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	[1]	417.532.648.157	(14.972.233.525)	402.560.414.632
a. Tiền		16.532.648.157	(14.972.233.525)	1.560.414.632
b. Các khoản tương đương tiền		401.000.000.000	-	401.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)	[2]	-	51.777.688.869	51.777.688.869
3. Các khoản cho vay (*)	[2]	-	1.480.977.107	1.480.977.107
4. Đầu tư ngắn hạn (**)	[2]	40.170.937.617	(40.170.937.617)	-
5. Dự phòng đầu tư ngắn hạn (**)	[2]	(493.248.748)	493.248.748	-
6. Các khoản phải thu	[3]	-	49.095.764.023	49.095.764.023
a. Phải thu bán các tài sản tài chính (*)	[3]	-	44.125.276.126	44.125.276.126
b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính (*)	[3]	-	4.970.487.897	4.970.487.897
- Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận (*)	[3]	-	3.621.687.899	3.621.687.899
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận (*)	[3]	-	1.348.799.998	1.348.799.998
7. Trả trước cho người bán ngắn hạn	[3]	324.711.176	-	324.711.176
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)	[3]	5.197.170.021	(5.146.605.107)	50.564.914
9. Các khoản phải thu khác (*)	[3]	45.617.516.990	(45.430.136.023)	187.380.967
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		(44.201.336.024)	-	(44.201.336.024)
II. Tài sản ngắn hạn khác		316.220.275	-	316.220.275
1. Tạm ứng (*)	[4]	-	162.339.700	162.339.700
2. Tài sản ngắn hạn khác (*)	[5]	162.339.700	(162.339.700)	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn		153.880.575	-	153.880.575

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.8 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

b. Trích từ Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

TÀI SẢN	Diễn giải	31/12/2015 (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	31/12/2015 (được trình bày lại) VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.169.942.150	(12.100.000.000)	8.069.942.150
I. Tài sản cố định		2.029.878.521	-	2.029.878.521
II. Tài sản tài chính dài hạn		12.100.000.000	(12.100.000.000)	-
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	[4]	16.130.000.000	(16.130.000.000)	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	[4]	(4.030.000.000)	4.030.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác		6.040.063.629	-	6.040.063.629
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	[4]	-	608.857.560	608.857.560
2. Chi phí trả trước dài hạn		1.863.680.956	-	1.863.680.956
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		3.567.525.113	-	3.567.525.113
4. Tài sản dài hạn khác	[4]	608.857.560	(608.857.560)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		484.634.561.614	(14.972.233.525)	469.662.328.089
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ		399.543.193.180	(14.972.233.525)	384.570.959.655
I. Nợ phải trả ngắn hạn		399.543.193.180	(14.972.233.525)	384.570.959.655
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		394.972.233.525	(14.972.233.525)	380.000.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		149.125.000	-	149.125.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		302.372.244	-	302.372.244
4. Phải trả người lao động		335.613.641	-	335.613.641
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		703.879.753	-	703.879.753
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.042.881.280	2.036.853.619	3.079.734.899
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	[5]	234.118	-	234.118
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (**)		2.036.853.619	(2.036.853.619)	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		85.091.368.434	-	85.091.368.434
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		484.634.561.614	(14.972.233.525)	469.662.328.089

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo tình hình tài chính không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng.
- [2] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334.
- [3] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334.
- [4] Phân loại lại các khoản mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334.
- [5] Phân loại lại các khoản mục vay và nợ theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.8 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

b. Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm trước (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Năm trước (được trình bày lại) VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG		7.914.771.903	51.259.895.565	59.174.667.468
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[6]	-	57.205.559.381	57.205.559.381
a. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	[6]	-	1.636.192.010	1.636.192.010
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	[6]	-	51.569.431.536	51.569.431.536
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL (*)	[6]	-	3.999.935.835	3.999.935.835
2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[6]	-	38.053.100	38.053.100
3. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)	[6]	2.005.824.810	(2.005.824.810)	-
4. Doanh thu môi giới chứng khoán	[6]	1.523.634.845	-	1.523.634.845
5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn	[6]	34.090.909	-	34.090.909
6. Doanh thu lưu lý chứng khoán	[6]	355.491.289	-	355.491.289
7. Thu nhập hoạt động khác (*)	[6]	3.995.730.050	(3.977.892.106)	17.837.944
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(15.072.059.097)	(29.823.778.279)	(44.895.837.376)
1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)	[7]	-	(62.195.687.167)	(62.195.687.167)
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	[7]	-	(53.063.517.702)	(53.063.517.702)
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	[7]	-	(9.132.169.465)	(9.132.169.465)
2. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		-	22.435.000.000	22.435.000.000
3. Chi phí hoạt động tự doanh (*)	[7]	-	(1.345.615.785)	(1.345.615.785)
4. Chi phí môi giới chứng khoán (*)	[7]	-	(3.146.465.903)	(3.146.465.903)
5. Chi phí tư vấn (*)	[7]	-	(333.493.323)	(333.493.323)
6. Chi phí lưu ký chứng khoán		-	(309.575.198)	(309.575.198)
Chi phí hoạt động kinh doanh		(15.072.059.097)	15.072.059.097	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		-	309.535.971	309.535.971
1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm (*)	[6]	-	309.535.971	309.535.971
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		-	(8.303.333)	(8.303.333)
1. Chi phí lãi vay (*)	[7]	-	(8.303.333)	(8.303.333)
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	[7]	11.296.353.473	(21.737.349.924)	(10.440.996.451)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.8 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm trước (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Năm trước (được trình bày lại) VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
1. Thu nhập khác		(334.864.681)	-	(334.864.681)
2. Chi phí khác		118.417.319	-	118.417.319
		(453.282.000)	-	(453.282.000)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		3.804.201.598	-	3.804.201.598

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo hoạt động theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo hoạt động không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [6] Phân loại lại các khoản mục doanh thu hoạt động theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334.
- [7] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334.

c. Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm trước (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Năm trước (được trình bày lại) VND
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM		28.740.943.430	(14.298.786.504)	14.442.156.926
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		28.740.943.430	(14.298.786.504)	14.442.156.926
- Tiền		14.790.311.475	(14.298.786.504)	491.524.971
- Các khoản tương đương tiền		13.950.631.955	-	13.950.631.955
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM		37.532.648.157	(14.972.233.525)	22.560.414.632
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		37.532.648.157	(14.972.233.525)	22.560.414.632
- Tiền		16.532.648.157	14.972.233.525	1.560.414.632
- Các khoản tương đương tiền		21.000.000.000	-	21.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.8 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm trước (đã được trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Năm trước (được trình bày lại) VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng Tiền gửi ngân hàng đầu năm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	14.298.786.504	14.298.786.504
		-	14.298.786.504	14.298.786.504
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng Tiền gửi ngân hàng cuối năm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	14.972.233.525	14.972.233.525
		-	14.972.233.525	14.972.233.525

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập:

Nguyễn Thị Khánh Hòa
Kế toán

Người kiểm soát:

Nguyễn Trát Minh Phương
Phó Tổng Giám đốc

Người phê duyệt:

Phạm Thị Quỳnh Trang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017